

Số: 1828 /BV-SĐH

Hà Nội, ngày 12 tháng 4 năm 2021

BẢN CÔNG BỐ

**Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành
trong đào tạo khối ngành sức khỏe (đợt 2)**

Kính gửi: Cục Khoa học Công nghệ và Đào tạo - Bộ Y tế.

Tên cơ sở công bố: **Bệnh viện Trung ương Quân đội 108**

Số Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh 0201/GPHĐ-BQP, do Bộ Quốc phòng cấp ngày 30/07/2015.

Địa chỉ: Số 01 Trần Hưng Đạo, Bạch Đằng, Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Người chịu trách nhiệm chuyên môn: GS. TS. Mai Hồng Bằng - Giám đốc bệnh viện.

Điện thoại liên hệ: 02.439.715.066.

Căn cứ Nghị định số 111/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định về tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe, cơ sở công bố đã đáp ứng yêu cầu để tổ chức thực hành theo quy định với các nội dung sau đây:

1. Các ngành/chuyên ngành đào tạo thực hành (Phụ lục I);
 2. Trình độ đào tạo thực hành (Phụ lục I);
 3. Số lượng người đào tạo thực hành tối đa (Phụ lục I);
 4. Danh sách người giảng dạy thực hành đáp ứng yêu cầu (Phụ lục II);
 5. Danh sách các khoa phòng tổ chức thực hành và số giường bệnh hoặc ghế răng tại mỗi khoa phòng (Phụ lục II);
 6. Danh mục cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ đào tạo thực hành (Phụ lục III).
- Cơ sở cam kết và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã công bố.

Kính đề nghị Cục Quân y xem xét, đăng tải thông tin theo quy định.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Giám đốc;
- Lưu: VT, SĐH. Nh08b.



Trung tướng Mai Hồng Bằng



PHỤ LỤC 1

THÔNG TIN CHUNG VỀ ĐÀO TẠO THỰC HÀNH TẠI BỆNH VIỆN TRUNG ƯƠNG QUÂN ĐỘI 108

(Tại một thời điểm)

(Kèm theo Công văn số: 1828 /BV-SDH ngày 12 tháng 4 năm 2021)

I. Đào tạo sau đại học

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/chuyên ngành	Môn học/học phần/tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/đơn vị thực hành	Số lượng người GD đạt yêu cầu ở BM/Khoa	Số lượng người học TH tối đa theo người GD	Số giường/ghế răng đạt yêu cầu thực hành	Số người học TH tối đa theo giường/ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
				Điều dưỡng nội tim mạch	Thực hành chăm sóc người bệnh tăng huyết áp	Viện Tim mạch	1	5	1	3	0	3
			Thực hành chăm sóc người bệnh đột quy									
			Thực hành chăm sóc người bệnh thiếu máu cục bộ cơ tim									
			Thực hành chăm sóc người bệnh bệnh van tim									
			Thực hành chăm sóc người bệnh loạn nhịp tim									
			Thực hành chăm sóc người bệnh mạch máu ngoại vi									



STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/chuyên ngành	Môn học/học phần/tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/đơn vị thực hành	Số lượng người GD đạt yêu cầu ở BM/Khoa	Số lượng người học TH tối đa theo người GD	Số giường/ghế răng đạt yêu cầu thực hành	Số người học TH tối đa theo giường/ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
				Điều dưỡng nội tiêu hóa	Thực hành chăm sóc người bệnh có rối loạn thực quản	Viện Điều trị các bệnh tiêu hóa	1	5	1	3	0	3
					Thực hành chăm sóc người bệnh dạ dày-tá tràng							
					Thực hành chăm sóc người bệnh bệnh viêm tụy							
					Thực hành chăm sóc người bệnh gan - mật							
					Thực hành chăm sóc người bệnh đại tràng – trực tràng							
					Thực hành chăm sóc người bệnh tiêu chảy cấp							
				Điều dưỡng nội hô hấp	Thực hành chăm sóc người bệnh phế quản	Khoa Nội Hô hấp	1	5	1	3	0	3
					Thực hành chăm sóc người bệnh nhiễm khuẩn phổi							
					Thực hành chăm sóc người bệnh tràn dịch, tràn khí màng phổi							
					Thực hành chăm sóc người mắc bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính							
					Thực hành chăm sóc người ho ra máu							

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/chuyên ngành	Môn học/học phần/tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/đơn vị thực hành	Số lượng người GD đạt yêu cầu ở BM/Khoa	Số lượng người học TH tối đa theo người GD	Số giường/ghế răng đạt yêu cầu thực hành	Số người học TH tối đa theo giường/ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
1		CKI	Điều dưỡng/ Nội khoa	Điều dưỡng nội tiết và chuyển hóa	Thực hành chăm sóc người bệnh suy thùy trước tuyến yên	Khoa Nội Nội tiết	1	5	1	3	0	3
					Thực hành chăm sóc người bệnh đái tháo nhạt							
					Thực hành chăm sóc người bệnh suy thượng thận							
					Thực hành chăm sóc người bệnh hội chứng Cushing							
					Thực hành chăm sóc người bệnh tuyến giáp							
					Thực hành chăm sóc người bệnh đái tháo đường							
				Điều dưỡng nội huyết học – miễn dịch	Thực hành chăm sóc người bệnh thiếu máu	Viện Ung thư	1	5	1	3	0	3
					Thực hành chăm sóc người bệnh bạch cầu ác tính							
					Thực hành chăm sóc người bệnh Lupus ban đỏ	Khoa Da liễu - Dị ứng	1	5	1	3	0	3
					Thực hành chăm sóc người bệnh dị ứng							
	Thực hành chăm sóc người bệnh nhiễm khuẩn tiết niệu											

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/chuyên ngành	Môn học/học phần/tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/đơn vị thực hành	Số lượng người GD đạt yêu cầu ở BM/Khoa	Số lượng người học TH tối đa theo người GD	Số giường/ghế răng đạt yêu cầu thực hành	Số người học TH tối đa theo giường/ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
				Điều dưỡng nội tiết niệu	Thực hành chăm sóc người bệnh viêm cầu thận	Khoa Nội thận và lọc máu	1	5	1	3	0	3
			Thực hành chăm sóc người bệnh suy thận									
			Thực hành chăm sóc người bệnh đái máu									
				Điều dưỡng nội cơ xương khớp	Thực hành chăm sóc người bệnh cơ vân	Khoa Nội cơ xương khớp	1	5	1	3	0	3
			Thực hành chăm sóc người bệnh loãng xương									
			Thực hành chăm sóc người mắc bệnh khớp									
			Thực hành chăm sóc người bệnh cột sống									
				Điều dưỡng nội hồi sức cấp cứu	Thực hành nhận định người bệnh cấp cứu và nguy kịch	Khoa Hồi sức nội khoa và chống độc	1	5	1	3	0	3
			Thực hành xử trí và chăm sóc người bệnh sốc									
			Thực hành xử trí và chăm sóc người bệnh suy hô hấp cấp									
			Thực hành xử trí và chăm sóc người bệnh ngộ độc cấp									

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/chuyên ngành	Môn học/học phần/tin chỉ	Nội dung	Tên khoa/đơn vị thực hành	Số lượng người GD đạt yêu cầu ở BM/Khoa	Số lượng người học TH tối đa theo người GD	Số giường/ghế răng đạt yêu cầu thực hành	Số người học TH tối đa theo giường/ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
					Thực hành xử trí và chăm sóc người bệnh hôn mê							
				Điều dưỡng ngoại khoa cơ bản	Thực hành chăm sóc người bệnh trước và sau phẫu thuật	Viện phẫu thuật tiêu hóa	1	5	1	3	0	3
			Thực hành chăm sóc người bệnh có mang ống dẫn lưu									
			Thực hành chăm sóc người bệnh có hậu môn nhân tạo									
			Thực hành chăm sóc người bệnh có ổ áp xe trong ổ bụng									
			Thực hành chăm sóc người bệnh viêm phúc mạc									
				Chăm sóc người bệnh viêm tụy cấp								
			Chăm sóc người bệnh thoát vị									
			Chăm sóc người bệnh xoắn đại tràng sigma									
			Chăm sóc người bệnh tắc ruột cơ học									
			Chăm sóc người bệnh dạ dày - tá tràng									

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/chuyên ngành	Môn học/học phần/tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/đơn vị thực hành	Số lượng người GD đạt yêu cầu ở BM/Khoa	Số lượng người học TH tối đa theo người GD	Số giường/ghế răng đạt yêu cầu thực hành	Số người học TH tối đa theo giường/ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
				Điều dưỡng ngoại khoa tiêu hóa	Chăm sóc người bệnh vùng hậu môn trực tràng	Viện phẫu thuật tiêu hóa	2	10	2	6	0	6
			Chăm sóc người bệnh lồng ruột cấp									
			Chăm sóc người bệnh chảy máu đường tiêu hóa									
			Chăm sóc người bệnh ung thư dạ dày									
			Chăm sóc người bệnh ung thư đại tràng									
			Chăm sóc người bệnh ung thư thực quản									
			Thực hành chăm sóc người bệnh sỏi ống mật chủ									
			Thực hành chăm sóc người bệnh sỏi túi mật									
			Thực hành chăm sóc người bệnh áp xe gan đường mật									
			Thực hành chăm sóc NB ung thư gan nguyên phát									
				Thực hành chăm sóc người bệnh sỏi đường tiết niệu								

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/chuyên ngành	Môn học/học phần/tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/đơn vị thực hành	Số lượng người GD đạt yêu cầu ở BM/Khoa	Số lượng người học TH tối đa theo người GD	Số giường/ghế răng đạt yêu cầu thực hành	Số người học TH tối đa theo giường/ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
2		CKI	Điều dưỡng/Ngoại khoa	Điều dưỡng ngoại khoa tiết niệu	Thực hành chăm sóc người bệnh hẹp niệu đạo	Khoa ngoại tiết niệu	1	5	1	3	0	3
					Thực hành chăm sóc người bệnh chấn thương đường tiết niệu							
					Thực hành chăm sóc người bệnh u phì đại lành tính tuyến tiền liệt							
				Điều dưỡng chấn thương chỉnh hình	Thực hành chăm sóc người bệnh gãy xương	Viện chấn thương chỉnh hình	1	5	1	3	0	3
					Thực hành chăm sóc người bệnh kéo tạ							
					Thực hành chăm sóc người bệnh vết thương mạch máu							
					Thực hành chăm sóc người bệnh vết thương khớp							
					Thực hành chăm sóc người bệnh vết thương bàn tay							
					Thực hành chăm sóc người bệnh vết thương phần mềm							
					Thực hành chăm sóc người bệnh đinh nhọt, áp xe, chín mé							
Thực hành chăm sóc người bệnh bong gân- trật khớp												

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/chuyên ngành	Môn học/học phần/tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/đơn vị thực hành	Số lượng người GD đạt yêu cầu ở BM/Khoa	Số lượng người học TH tối đa theo người GD	Số giường/ghế răng đạt yêu cầu thực hành	Số người học TH tối đa theo giường/ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
					Thực hành chăm sóc người bệnh chấn thương-vết thương ngực							
					Thực hành chăm sóc người bệnh gãy xương chi trên							
					Thực hành chăm sóc người bệnh gãy xương chi dưới							
					Thực hành chăm sóc người bệnh bỏng-ghép da							
					Thực hành chăm sóc người bệnh gãy xương chậu							
				Điều dưỡng sọ não cột sống	Thực hành chăm sóc người bệnh gãy xương cột sống	Khoa ngoại Thần kinh	1	5	1	3	0	3
			Thực hành chăm sóc người bệnh thoát vị đĩa đệm									
			Thực hành chăm sóc người bệnh chấn thương sọ não									
			Thực hành chăm sóc người bệnh u não									

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/chuyên ngành	Môn học/học phần/tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/đơn vị thực hành	Số lượng người GD đạt yêu cầu ở BM/Khoa	Số lượng người học TH tối đa theo người GD	Số giường/ghế răng đạt yêu cầu thực hành	Số người học TH tối đa theo giường/ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
3		CK II	Dược lý – Dược lâm sàng	Đánh giá và quản lý tương tác thuốc	Thực hành trên một số phần mềm offline và một số cơ sở dữ liệu online	Khoa Dược	2	10	3	9	0	9
					Thực hành trên sách chuyên khảo							
					Phân tích cơ chế và đề xuất biện pháp quản lý tương tác thuốc trong một số tình huống lâm sàng cụ thể							
				Sai sót liên quan đến thuốc trong thực hành lâm sàng								
			Phân loại và phân tích nguyên nhân sai sót trên tình huống lâm sàng	Thảo luận về xây dựng các quy trình nhằm phòng tránh sai sót liên quan đến thuốc tại bệnh viện								
			Thực hành dược lâm sàng bệnh viện	Thực hành các hoạt động dược lâm sàng bao gồm các hoạt động chung (thông tin thuốc, theo dõi giám sát báo cáo ADR, hội chẩn bệnh ca lâm sàng) và hoạt động liên quan đến khoa lâm sàng (phát hiện các vấn đề liên quan đến thuốc, can thiệp dược lâm sàng, làm việc trong nhóm đa ngành, báo cáo và lưu trữ thông tin)								
4		CKI	Dược lý – Dược lâm sàng	Thực hành dược lâm sàng	Đánh giá và quản lý tương tác thuốc	Khoa Dược	11	55	18	54	0	54
					Phân tích ca lâm sàng							

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/chuyên ngành	Môn học/học phần/tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/đơn vị thực hành	Số lượng người GD đạt yêu cầu ở BM/Khoa	Số lượng người học TH tối đa theo người GD	Số giường/ghế răng đạt yêu cầu thực hành	Số người học TH tối đa theo giường/ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
-----	------------	----------	--------------------	--------------------------	----------	---------------------------	---	--	--	---	-------------------	---------------------------

II. Đào tạo đại học

5		Đại học	Dược học	Dược lâm sàng	Báo cáo phản ứng có hại của thuốc (ADR) dựa trên tình huống lâm sàng thực tế	Khoa Dược	11	110	36	108	0	108
					Đánh giá mối quan hệ nhân quả giữa thuốc nghi ngờ và ADR							
					Phân tích tương tác thuốc trong đơn thuốc ngoại trú và nội trú							
					Phân tích tình huống lâm sàng có sử dụng kháng sinh, giảm đau, glucocorticoid							
		Thực hành Dược lâm sàng bệnh viện	Xây dựng danh mục thuốc/bảng hướng dẫn chuyên môn liên quan đến sử dụng thuốc									
			Thực hành dược khoa	Tìm hiểu về công việc thực tế và kỹ năng thực hành nghề nghiệp của Dược sĩ ở khoa Dược bệnh								

PHỤ LỤC 2
DANH SÁCH CÁC KHOA TỔ CHỨC GIẢNG DẠY THỰC HÀNH
(Kèm theo Công văn số: 1828/BV-SDH ngày 12 tháng 4 năm 2021)

TT	Tên khoa	Ký hiệu	Số giường/ghế răng tại Khoa
	Bộ môn Nội Tim mạch (Viện Tim mạch)		147
1	Khoa Nội tim mạch	A2-A	75
2	Khoa Phẫu thuật tim mạch	A2-B	32
3	Khoa chẩn đoán và can thiệp tim mạch	A2-C	20
4	Khoa Hồi sức tim mạch	A2-D	20
	Bộ môn Nội Tiêu hóa (Viện Điều trị các bệnh tiêu hóa)		126
5	Khoa điều trị bệnh Ống tiêu hóa	A3-A	45
6	Khoa điều trị Gan, Mật, Tụy	A3-B	61
7	Khoa Cấp cứu tiêu hóa	A3-C	20
8	Khoa Nội soi tiêu hóa	A3-D	00
	Bộ môn truyền nhiễm và CBNĐ (Viện Truyền nhiễm)		123
9	Khoa Bệnh lây đường máu	A4-A	45
10	Khoa Bệnh lây đường tiêu hóa	A4-B	48
11	Khoa Bệnh lây đường hô hấp và cấp cứu	A4-C	30
	Bộ môn Nội Hô hấp		85
12	Khoa Nội hô hấp	A5	85
	Bộ Môn Thần kinh		149
13	Khoa Nội thần kinh	A7	85
14	Trung tâm Đột quỵ não	A21	64
	Bộ môn Da liễu		35
15	Khoa Da liễu dị ứng	A8	35
	Bộ môn Chấn thương chỉnh hình (Viện CT chỉnh hình)		233
16	Khoa Chấn thương - Chỉnh hình tổng hợp	B1-A	76
17	Khoa Phẫu thuật bàn tay và Vi phẫu thuật	B1-B	70
18	Khoa Phẫu thuật khớp	B1-C	52
19	Khoa Chấn thương Chỉnh hình cột sống	B1-D	35
	Bộ môn Ngoại Tiêu hóa		166
20	Khoa Phẫu thuật Ống tiêu hóa	B3-A	68
21	Khoa Phẫu thuật Gan, Mật, Tụy	B3-B	68
22	Khoa Phẫu thuật Hậu môn - Trực tràng	B3-C	30
	Bộ môn Ngoại Lồng ngực		80
23	Khoa Ngoại lồng ngực	B4	80
	Bộ môn Gây mê hồi sức		116
24	Khoa Hồi sức nội và Chống độc	A12A	23
25	Khoa Hồi sức ngoại và Ghép tạng	A12B	23
26	Khoa Gây mê hồi sức	B5	30
27	Khoa Cấp cứu	C1.3	40

TT	Tên khoa	Ký hiệu	Số giường/ghế răng tại Khoa
	Bộ môn Răng Hàm Mặt		57
28	Khoa Phẫu thuật Hàm mặt và Tạo hình	B8	45
29	Khoa Răng miệng	B10	12
	Bộ môn Chẩn đoán hình ảnh		00
30	Khoa Chẩn đoán chức năng	C7	00
31	Khoa Chẩn đoán hình ảnh	C8	00
	Viện Ung thư		257
32	Khoa Chống đau và Chăm sóc giảm nhẹ	A6-A	76
33	Khoa Hóa trị và Bệnh máu	A6-B	80
34	Khoa Xạ trị - Xạ phẫu	A6-C	20
35	Khoa Ung thư tổng hợp	A6-D	81
	Trung tâm xét nghiệm		00
36	Khoa Huyết học	C2-A	00
37	Khoa Sinh hóa	C2-B	00
38	Khoa Vi sinh vật	C2-C	00
39	Khoa Miễn dịch	C2-D	00
40	Khoa Giải phẫu bệnh lý	C2-E	00
41	Khoa Sinh học phân tử	C2-F	00
	Các đơn vị khác		384
42	Khoa Nhi	A9	30
43	Khoa Y học cổ truyền	A10	30
44	Khoa Nội tiết	A14	15
45	Khoa Nội thận và Lọc máu	A15	19
46	Khoa Nội Cơ, Xương, Khớp	A17	35
47	Khoa Y học hạt nhân	A20	14
48	Khoa Ngoại tiết niệu	B2	72
49	Khoa Ngoại thần kinh	B6	53
50	Khoa Mắt	B7	35
51	Khoa Tai Mũi Họng	B9	35
52	Khoa Phụ sản	B11	35
53	Khoa Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng	C6	20
54	Khoa Dược	C9	00
55	Khoa Dinh dưỡng	C11	00
56	Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn	C12	00
57	Khoa Y học thực nghiệm	C15	00
58	Khoa Truyền máu	C16	00
59	Trung tâm Hỗ trợ sinh sản		08
Tổng cộng			1975





PHỤ LỤC 3
DANH MỤC CÁC TRANG THIẾT BỊ
TẠI BỘ MÔN/KHOA ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH

(Kèm theo Công văn số: 1828/BV-SDH ngày 12 tháng 4 năm 2021)

STT	Tên gọi máy, thiết bị, ký hiệu, mục đích sử dụng	Số lượng
PHẦN I. HỆ THỐNG PHÒNG GIẢNG, THIẾT BỊ VĂN PHÒNG ĐẢM BẢO GIẢNG DẠY		
1	Phòng bảo vệ luận án tiến sĩ được trang bị đầy đủ hệ thống âm thanh chuẩn, hệ thống trình chiếu LED	6
2	Phòng giảng bộ môn trang bị hệ thống bàn, ghế, trình chiếu phục vụ bài giảng điện tử	12
3	Phòng học ngoại ngữ (LAB) 30 box, trang bị hệ thống máy tính, trình chiếu chuẩn ứng dụng phần mềm X-Class	1
4	Hệ thống Telemedicin: Hệ thống hỗ trợ chẩn đoán và khám chữa bệnh từ xa	5
5	Hệ thống phần mềm quản lý bệnh viện: Cho phép truy cập các thông tin của bệnh nhân nội trú	1
6	Đơn vị Y học thực nghiệm: Đảm bảo cơ sở vật chất kỹ thuật cho các đơn vị trong và ngoài bệnh viện tới nghiên cứu và thử nghiệm các kỹ thuật, thiết bị, vật liệu, thuốc mới phục vụ cho công tác điều trị	1
7	Hệ thống trình chiếu đồng bộ (Máy tính xách tay + Máy tính bàn + Máy chiếu + Màn chiếu điện)	Mỗi đơn vị 01 bộ
8	Máy tính bàn đồng bộ sử dụng mạng nội bộ (Office one)	Mỗi đơn vị 02 bộ
9	Máy in đen trắng	Mỗi đơn vị 02 cái
10	Máy Photocopy	20
11	Máy in màu	Mỗi đơn vị 01 cái
12	Máy scanner	Mỗi đơn vị 01 cái
PHẦN II. TRANG BỊ Y TẾ PHỤC VỤ GIẢNG DẠY, NGHIÊN CỨU		
I. TRANG BỊ CHẨN ĐOÁN CHỨC NĂNG		
1	Máy điện tim 3 kênh ECG-1150, Nihon Kohden, Nhật Bản	4
2	Máy điện tim 3 kênh ECG-1150K, Nihon Kohden, Nhật Bản	2
3	Máy điện tim 3 bút Cardio-M	1
4	Máy điện tim 3 kênh ECG-9620K, Nihon Kohden, Nhật Bản	11
5	Máy điện tim 6 kênh ECG-1250K, Nihon Kohden, Nhật Bản	9
6	Máy điện tim 6 kênh ECG-9022K, Nihon Kohden, Nhật Bản	1
7	Máy điện tim 6 kênh ECG-1250, Nihon Kohden, Nhật Bản	4



STT	Tên gọi máy, thiết bị, ký hiệu, mục đích sử dụng	Số lượng
8	Máy điện não Neuro Fax EEG-9200K, Nihon Kohden, Nhật Bản	2
9	Máy điện não vi tính EEG-1200K, Nihon Konden, Nhật Bản	3
10	Máy đo lưu huyết não Rheoscreen compact, Medis, Đức	2
11	Máy điện cơ MEB-4200, Nihon Kohden, Nhật Bản	1
12	Máy điện cơ MEB-7100, Nihon Kohden, Nhật Bản	1
13	Máy điện cơ MEB-9408K, Nihon Kohden, Nhật Bản	2
14	Máy đo chức năng hô hấp PC-10, Chest, Nhật Bản	1
15	Máy theo dõi điện tim, huyết áp 24 giờ DigiTrak Plus 3100, Philips Zymned,	1
16	Máy điện tim gắng sức MAC 5000HD, GE, Mỹ	1
17	Máy điện tim gắng sức CS200, Schiller, Đức	1
18	Điện tim gắng sức SE-PR 0600, Welch-Allyn, Mỹ	1
II. TRANG BỊ CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH		
19	Máy siêu âm đen trắng SSD-1400, Aloka, Nhật Bản	4
20	Máy siêu âm màu 3D SSA-790A Aplio XG, Toshiba, Nhật Bản	2
21	Máy siêu âm màu chuyên tim Vivid 7 Dimension, GE, Na Uy	1
22	Máy siêu âm màu chuyên tim Vivid S5, GE, Isarel	2
23	Máy siêu âm màu HD11XE, Philips, Mỹ	1
24	Máy siêu âm màu HD15, Philips, Mỹ	1
25	Máy siêu âm màu Sonos 7500, Philips, Mỹ	1
26	Máy siêu âm màu SSD-4000, Aloka, Nhật Bản	3
27	Máy siêu âm màu xách tay Logiq S8, GE, Hàn Quốc	6
28	Máy siêu âm màu xách tay M-Turbo, Sonosite, Mỹ	1
29	Máy siêu âm mắt cấu hình cao VUMAX 7, Sonomed, Mỹ	1
30	Máy siêu âm mắt Compact Touch, Quantel Medical, Pháp	1
31	Máy doppler xuyên sọ Digi-Lite IP, Remed, Israel	1
32	Hệ thống Xquang kỹ thuật số DR-F, GE, Mỹ	7
33	Máy Xquang chẩn đoán cố định KXO-32S, Toshiba, Nhật Bản	2
34	Hệ thống Xquang kỹ thuật số DIXRay, Arzt-praxis, Đức	1
35	Máy Xquang chẩn đoán di động Jolly plus, BMI, Ý	1
36	Máy Xquang chẩn đoán di động Polymobil Plus, Siemens, Tây Ban Nha	1
37	Máy Xquang chẩn đoán di động Visitor AR30, Villa, Ý	1
38	Máy Xquang chẩn đoán di động Optima 240 GE Healthcare, Mỹ	1

STT	Tên gọi máy, thiết bị, ký hiệu, mục đích sử dụng	Số lượng
39	Máy Xquang xách tay, Minixray, Mỹ	1
40	Máy chụp Xquang lưu động TMX+, Iatlia	1
41	Máy Xquang cánh tay C di động OEC 785 Elite, GE, Mỹ	1
42	Máy Xquang cánh tay C di động Siremobil Compact L, Siemens, Đức	2
43	Máy Xquang di động C-Arm BV Libra, Philips, Hà Lan	1
44	Máy Xquang tăng sáng truyền hình DuoDianost, Philips, Đức	2
45	Hệ thống chụp mạch số hoá Integris Allura 9F, Philips Hà Lan (1 bình điện)	1
46	Hệ thống chụp mạch số hoá Angio, Philips, Áo (2 bình điện)	1
47	Máy Xquang cánh tay C di động số hóa, xóa nền OEC Fluorostar, GE	2
48	Máy chụp cắt lớp Xquang Briliance 6, Philips, Mỹ (06 lát cắt)	1
49	Máy chụp cắt lớp Xquang Brivo CT 385, GE, Trung Quốc (16 lát cắt)	2
50	Máy chụp cắt lớp Xquang TSX-310A, TOSHIBA, Nhật bản (320 lát cắt)	1
51	Máy chụp CT mô phỏng 16 lát CT580, GE, Trung Quốc	1
52	Máy CT Scanner Hi Speed Dual, GE, Trung Quốc	1
53	Máy Xquang răng ENDOS-ACP, Villa Sistemi Medical, Ý	1
54	Máy Xquang răng ORALIX-AC, ORALIX, Ý	1
55	Máy Xquang toàn cảnh Rotograph, Villa Ý	1
56	Máy XQ KTS Gendex - Italy	1
57	Máy chụp XQ răng KTS CS 220 Care treat Health, Pháp	1
58	Máy Xquang chụp vú kỹ thuật số Essential, GE, Pháp	1
59	Máy đo độ loãng xương Xquang Explorer, Hologic, Mỹ	1
60	Máy đo độ loãng xương Xquang Discovery, Hologic, Mexico	1
61	Máy bơm thuốc cân quang	1
62	Hệ thống PET/CT Discovery ST/STE, GE, Mỹ (16 lát cắt)	2
63	Máy chụp xạ hình Spect CadioDesk Dual-Head, Mediso, Hungary	1
64	Máy chụp xạ hình Spect Infinia Hawkeye 4, GE, Mỹ	1
65	Máy chụp xạ hình Spect Millennium MG, GE, Mỹ	1
66	Máy chụp xạ hình Spect Ventri, GE, Mỹ	1
67	Máy chụp xạ hình Pect/CT Optima NM/CT640, GE- Israel	1
68	Hệ thống cộng hưởng từ Achieva 3.0T Xseries, Philips, Áo	1
69	Hệ thống cộng hưởng từ Gyroscan 1.5T NT, Philips, Mỹ	1

STT	Tên gọi máy, thiết bị, ký hiệu, mục đích sử dụng	Số lượng
70	Hệ thống cộng hưởng từ Optima MR360 1.5T, GE, Mỹ	1
71	Hệ thống cộng hưởng từ Discovery MR750w, GE Healthcare, Mỹ	1
72	Máy rửa phim khô Drystar 5300, Agfa, Bỉ	1
73	Máy rửa phim tự động Optimax, Protec, Đức	1
III. TRANG BỊ NỘI SOI		
74	Dây soi dạ dày CF 150, Olympus, Nhật Bản	8
75	Dây soi dạ dày EVIS GIF 150, Olympus, Nhật Bản	6
76	Dây soi dạ dày XQ GIF 170, Olympus, Nhật Bản	1
77	Dây soi dạ dày XQ GIF 260, Olympus, Nhật Bản	1
78	Dây soi ruột non SIF Q180, Olympus, Nhật Bản	1
79	Dây soi tá tràng nhìn bên JF 150, Olympus, Nhật Bản	2
80	Hệ thống nội soi dạ dày, đại tràng video Actera CV-150, Olympus, Nhật Bản	3
81	Hệ thống nội soi dạ dày, đại tràng video Evis-240, Olympus, Nhật Bản	1
82	Hệ thống nội soi dạ dày, đại tràng video Exera II CV-160, Olympus, Nhật Bản	1
83	Hệ thống nội soi dạ dày, đại tràng video Exera II CV-180, Olympus, Nhật Bản	2
84	Hệ thống nội soi đại tràng CF-Q150, Olympus, Nhật Bản	2
85	Hệ thống nội soi mật, tụy ngược dòng video Exera II CV-180, Olympus, Nhật Bản	2
86	Hệ thống nội soi dạ dày, đại tràng video CV-170, Olympus, Nhật Bản	5
87	Hệ thống nội soi EPM 3500, Pentax, Nhật Bản	1
88	Hệ thống nội soi siêu âm EUS-CV-180, Olympus, Nhật Bản	1
89	Hệ thống nội soi ổ bụng Visera-OIV- S7, Olympus, Nhật bản	1
90	Dây soi dạ dày EG 2940, Pentax, Nhật Bản	1
91	Dây soi đại tràng EC 3840F, Pentax, Nhật Bản	1
92	Dây soi mật-tụy ngược dòng JF-160, Olympus, Nhật Bản	1
93	Dây soi đặt NKQ cơ động (có màn hình xem trực tiếp) MAF-GM, Olympus, Nhật Bản	1
94	Hệ thống phẫu thuật nội soi ổ bụng, tiết niệu 1088, Stryker, Mỹ	1
95	Hệ thống phẫu thuật nội soi ổ bụng, tiết niệu Telecam SL, Karl Storz, Đức	1
96	Hệ thống phẫu thuật nội soi tiết niệu Tricam, Karl Storz, Đức	3
97	Hệ thống phẫu thuật nội soi sản khoa Telecam, Karl Storz, Đức	1
98	Hệ thống phẫu thuật nội soi ổ bụng Tricam- HD, Stryker, Mỹ	1
99	Hệ thống phẫu thuật nội soi tai-mũi-họng Tricam-Full HD, Karl Storz, Đức	1
100	Hệ thống phẫu thuật nội soi lồng ngực Tricam-HD, Karl Storz, Đức	1
IV. TRANG BỊ Y HỌC HẠT NHÂN VÀ XẠ TRỊ		

STT	Tên gọi máy, thiết bị, ký hiệu, mục đích sử dụng	Số lượng
101	Máy xạ trị điều biến liều, cửa sổ đa lá, Varian-CX, Varian medical, Mỹ	
102	Hệ thống xạ phẫu Cyber Knife Anh - Mỹ	1
103	Máy chuẩn liều xạ Atomlab 100, Biodex, Mỹ	1
104	Máy chuẩn liều xạ Atomlab 300, Biodex, Mỹ	1
105	Máy chuẩn liều xạ Curiementor 3, PTW, Đức	1
106	Hệ thống gia tốc vòng Cyclotron 30MeV, IBA	2
	V. TRANG BỊ XÉT NGHIỆM SINH HÓA	1
107	Máy xét nghiệm sinh hoá tự động AU 400, Olympus, Nhật Bản	
108	Máy xét nghiệm sinh hoá tự động AU 640, Olympus, Nhật Bản	2
109	Máy xét nghiệm sinh hoá tự động AU 2700, Beckman Counter, Nhật Bản	1
110	Máy xét nghiệm sinh hoá tự động AU 5800, Beckman Counter, Nhật Bản	1
111	Máy xét nghiệm tiểu đường HbA1c, HLC-723G8, TOSOH, Nhật Bản	2
112	Máy xét nghiệm điện giải khí máu GEM Premire 3000, Instrumentation Laboratory, Mỹ	2
113	Máy xét nghiệm nước tiểu Clinitek Advandus, Siemens, Mỹ	4
114	Máy xét nghiệm nước tiểu tự động Clinitek Atlas, Siemens, Mỹ	2
115	Bộ điện di năm Mini-Sub Cell GT và bộ nguồn Powerpac basic, Bio-rad, Mỹ	1
116	Bộ điện di năm Sub-Cell 192 và bộ nguồn Powerpac basic, Bio-rad, Mỹ	3
117	Bộ điện di đứng Mini-Protean tetra cell và bộ nguồn Powerpac HC, Bio-rad, Mỹ	2
118	Bộ điện di đứng Sequi-Gen GT, BioRad, Mỹ	2
119	Bộ điện di đứng 2 chiều Protean II xi Cell, Bio-rad, Mỹ	2
120	Máy dán mã code xét nghiệm BC ROBO-8000, Techno Medica, Nhật bản	2
121	Hệ thống xử lý nước RO phục vụ xét nghiệm RO-250l/h, Liên doanh, Việt nam	3
	VI. TRANG BỊ XÉT NGHIỆM MIỄN DỊCH, VI SINH VẬT	2
122	Hệ thống xét nghiệm Elisa 680, Bio-rad, Nhật Bản	
123	Hệ thống xét nghiệm Elisa Elx-800, Biotek, Mỹ	1
124	Máy phân tích miễn dịch tế bào BD FACSCanto II, DB Biosciences, Mỹ	1
125	Máy xét nghiệm miễn dịch hóa phát quang Cobas 601, Roche, Nhật Bản	1
126	Máy xét nghiệm miễn dịch hóa phát quang VITROS ECiQ, Johnson & Johnson, Mỹ	2
127	Máy xét nghiệm miễn dịch LIAISON, Diasorin, Đức	3
128	Máy xét nghiệm miễn dịch Unicel-Dxl, Beckman Counter, Mỹ	1
129	Tủ an toàn sinh học cấp 2 Airstream, Esco, Singapore	1
130	Tủ an toàn sinh học cấp 2 BioII Advance 4, Telstar, Tây Ban Nha	4
131	Tủ cấy máu tự động Bactec 9120, Becton Dickinson, Mỹ	1
		1

STT	Tên gọi máy, thiết bị, ký hiệu, mục đích sử dụng	Số lượng
132	Tủ hút khí độc ADC-4B1, Esco, Indonesia	
133	Tủ an toàn sinh học cấp 2 AC2-4E8, Esco, Indonesia	1
134	Kính hiển vi huỳnh quang có camera BX50, Olympus, Nhật Bản	1
135	Máy định danh vi khuẩn và kháng sinh đồ Vitek 2 Compact, Biomerieux, Pháp	1
136	Máy đếm dòng tế bào Guava EasyCyte, EMD Millipore, Mỹ	1
137	Máy nhân gen Gradient PCR định tính Mastercycler ProS, Eppendorf, Đức	2
138	Máy nhân gen Real-time PCR định lượng ABI 7500, Applied Biosystems, Mỹ	1
139	Máy nhân gen Real-time PCR định lượng PCR 9700, Applied Biosystems, Mỹ	2
140	Máy nhân gen Real-time PCR định lượng Rotor-Gene 3000, Corbett Reseach, Mỹ	1
VII. TRANG BỊ XÉT NGHIỆM HUYẾT HỌC VÀ TRUYỀN MÁU		
141	Hệ thống tách thành phần máu Comtec, Fresinus, Đức	
142	Máy cân, lắc và lấy máu T-RAC, Terumo, Pháp	2
143	Tủ bảo quản tiêu cầu 48 túi PC900I, Helmer, Mỹ	2
144	Tủ lạnh âm sâu MDF-U32V, Sanyo, Nhật Bản	1
145	Tủ lạnh âm sâu MDF-U5411, Sanyo, Nhật Bản	3
146	Tủ lạnh trữ máu HB-120, Helmer, Mỹ	1
147	Tủ lạnh trữ máu MPR-514, Sanyo, Nhật Bản	1
148	Tủ lạnh trữ máu MRB-280, Electrolux, Mỹ	2
149	Tủ bảo quản sinh phẩm MPR-S313-PK, Panasonic, Nhật Bản	7
150	Tủ lạnh Plasma UFP-2330D, Thermo Scientific, Ý	1
151	Máy xét nghiệm huyết học Advia 2120, Siemens, Ai Len	5
152	Máy xét nghiệm huyết học Celldyn-1800, Abbott, Mỹ	1
153	Máy phân tích chức năng tiêu cầu, 560 Ca, CHRONO-LOG, Mỹ	1
154	Máy xét nghiệm đông máu tự động ACL Elite Pro, IL, Mỹ	1
155	Máy xét nghiệm đông máu tự động ACL-TOP 500, Instruments Laboratory, Mỹ	1
156	Máy xét nghiệm đông máu tự động ACL-TOP 700, Instruments Laboratory, Mỹ	1
157	Máy đo tốc độ lắng máu tự động SEDY 12, ELECTA, Ý	1
158	Máy đo tốc độ lắng máu tự động SEDY 40, ELECTA, Ý	1
159	Máy đo tốc độ lắng máu tự động MIXRATE20, MIX, Ý	2
VIII. TRANG BỊ GIẢI PHẪU BỆNH LÝ		
160	Máy cắt quay AS-325R, Shandon, Anh	
161	Máy cắt quay HM-325, Microm, Đức	1
162	Máy cắt tiêu bản lạnh Cryotome E, Thermo Scientific, Anh	1
		2

STT	Tên gọi máy, thiết bị, ký hiệu, mục đích sử dụng	Số lượng
163	Máy cắt tiêu bản lạnh Tissuetek Cryo3, Sakura, Nhật Bản	1
164	Máy xử lý mô tự động Micro STD 120-2, Microme, Đức	1
165	Máy cắt tiêu bản Cryo Star NX50, Thermo Scientific, TQ	1
166	Máy xử lý mô tự động Excelsior, Thermo Fisher, Anh	1
167	Máy cắt lát vi thể quay tay HM325, MICROM, TQ	1
168	Máy đúc mô có bản làm lạnh Histo Star, Thermo Fisher, Anh	1
<i>IX. TRANG BỊ PHẪU THUẬT, GÂY MÊ, HỒI SỨC CẤP CỨU</i>		
169	Bàn mổ vụn năng kích dầm chấn thương chính hình Merkur 3S, Trumpf, Đức	3
170	Bàn mổ vụn năng kích dầm METIC-125, Schmitz, Đức	5
171	Bàn mổ vụn năng kích dầm OPT 20, Draeger, Đức	5
172	Bàn mổ vụn năng kích dầm OPT 70, Draeger, Ý	1
173	Bàn mổ đa năng TS-102, TAKEUCHI, Nhật Bản	3
174	Bàn mổ đa năng ST-08, Sturdy, Đài Loan	1
175	Dao mổ điện có chức năng hàn mạch máu Force Triad, Tyco Healthcare, Mỹ	2
176	Dao mổ điện Electrotom 530, Berchtol, Đức	2
177	Dao mổ điện ICC-300H, Erbe, Đức	1
178	Dao mổ điện ME MB2, Martin, Đức	1
179	Dao mổ điện 970B, ST ELeCtromedicina, Tây Ban Nha	1
180	Dao mổ điện Force FX-8C, Convidien, Mỹ	9
181	Máy laser phẫu thuật CO2, KC01, Lamsermet, Việt Nam	1
182	Máy laser phẫu thuật ES400W, Lasermed, Việt Nam	2
183	Dao mổ siêu âm Sonosurg G2, Olympus, Nhật Bản	2
184	Dao mổ siêu âm Gen 11, Johnson & Johnson, Mỹ	2
185	Khoan cưa xương đa năng dùng điện Pro 2000I, Conmed, Mỹ	2
186	Khoan cưa xương đa năng dùng điện Pro 6100, Conmed, Mỹ	2
187	Khoan cưa xương đa năng chạy điện Elan 4, Aesculap, Đức	1
188	Máy gây mê kèm thở Aespire 7900, GE-Datex Ohmeda, Mỹ	5
189	Máy gây mê kèm thở Blease Focus, Spacelabs Healthcare, Mỹ	2
190	Máy gây mê kèm thở Carestation 620, GE-Datex Ohmeda, Mỹ	5
191	Máy hô hấp nhân tạo C2, Halmiton Medical, Thụy sỹ	2
192	Máy hô hấp nhân tạo Inspiration LS, Event, Ailen	2
193	Máy hô hấp nhân tạo Savina, Drager, Đức	8
194	Máy hô hấp nhân tạo Vela Comprehensive, Viasys Healthcare, Mỹ	18

STT	Tên gọi máy, thiết bị, ký hiệu, mục đích sử dụng	Số lượng
195	Máy tim, phổi nhân tạo	
196	Máy chống rung tim và tạo nhịp D503, Siemens, Đức	2
197	Máy chống rung tim và tạo nhịp Metrax XD-330, GE, Đức	1
198	Máy chống rung tim và tạo nhịp TEC-7200, Nihon Kohden, Nhật Bản	1
199	Máy chống rung tim và tạo nhịp TEC-7531, Nihon Kohden, Nhật Bản	1
200	Máy chống rung tim và tạo nhịp TEC-7631K, Nihon Kohden, Nhật Bản	1
201	Máy sốc tim TEC-5531K, Nihon Kohden, Nhật Bản	1
202	Bơm tiêm điện Perfusor compact, B.Braun, Đức	2
203	Bơm tiêm điện TE-311, Terumo, Nhật Bản	7
204	Bơm tiêm điện TE-312, Terumo, Nhật Bản	28
205	Bơm tiêm điện TE-SS700, Terumo, Nhật Bản	4
206	Bơm tiêm điện Injectomat Agilia, Fresenius Kabi, Đức	23
207	Bơm truyền dịch tự động STC-508, Terumo, Nhật Bản	14
208	Bơm truyền dịch tự động TE-112, Terumo, Nhật Bản	1
209	Máy theo dõi áp lực nội sọ MPM-1, Integra NeuroSciences, Anh	25
210	Máy theo dõi bệnh nhân BSM-2310, Nihon Kohden, Nhật Bản	1
211	Máy theo dõi bệnh nhân BSM-2351, Nihon Kohden, Nhật Bản	17
212	Máy theo dõi bệnh nhân BSM-3562, Nihon Kohden, Nhật Bản	12
213	Máy theo dõi bệnh nhân BSM-4101, Nihon Kohden, Nhật Bản	32
214	Máy theo dõi bệnh nhân BSM-7105, Nihon Kohden, Nhật Bản	3
215	Máy theo dõi bệnh nhân phòng mổ B650, GE, Mỹ	1
216	Máy theo dõi bệnh nhân VC24, Philips, Đức	5
217	Máy theo dõi bệnh nhân B40i, GE Healthcare, Phần Lan	6
218	Máy theo dõi bệnh nhân B20i, GE Healthcare, Phần Lan	5
219	Máy theo dõi bệnh nhân Vitapia 7000K, Trismed, Hàn Quốc	7
220	Máy theo dõi bệnh nhân Bionics Sentry, BIONICS, Hàn Quốc	1
221	Máy theo dõi bệnh nhân trung tâm CNS-9710K, Nihon Kohden, Nhật Bản	3
222	Giường hồi sức cấp cứu 405, Hillrom, Áo	1
223	Giường hồi sức cấp cứu Care Assis, Hillrom, Mexico	3
224	Giường hồi sức cấp cứu FL28C, Stryker, Canada	18
225	Giường hồi sức cấp cứu GoBed II, Stryker, Mỹ	1
226	Giường hồi sức cấp cứu LE03-1, Famed, Ba Lan	6
227	Kính hiển vi phẫu thuật thần kinh sọ não Opmi Vario, Carl Zeiss, Đức	1
		2

STT	Tên gọi máy, thiết bị, ký hiệu, mục đích sử dụng	Số lượng
228	Cánh tay robot phòng mổ treo trần DVE 4001, Draeger, Đức	
229	Cánh tay robot phòng mổ treo trần Movita M2-M0750, Draeger, Đức	14
230	Máy theo dõi nồng độ bão hòa oxy trong máu IRC-25, Invacare, Mỹ	1
X. TRANG BỊ ĐIỀU TRỊ TIM, GAN, THẬN		2
231	Máy chạy thận nhân tạo AK-200S, Gambro, Thụy Điển	
232	Máy chạy thận nhân tạo AK-95S, Gambro, Thụy Điển	1
233	Máy chạy thận nhân tạo Sudiral, Nipro, Nhật Bản	4
234	Máy siêu lọc máu liên tục PrismaFlex, Gambro, Thụy Điển	9
235	Máy chạy thận nhân tạo 4008s fresenius, Curative, Đức	2
236	Máy lọc nước thận nhân tạo 6 máy E4-7200, Osmonics, Mỹ	1
237	Máy rửa quả lọc thận PA 100, Renatron, Mỹ	1
238	Hệ thống tán sỏi ngoài cơ thể MODULITH SLX-F2, K.Storz, Thụy Sĩ	2
239	Hệ thống máy tán sỏi nội soi Laser Sphinx JR, Lisa Laser, Đức	1
XI. TRANG BỊ VẬT LÝ TRỊ LIỆU, PHỤC HỒI CHỨC NĂNG		2
240	Máy siêu âm điều trị 490, Sonopuls, Hà lan	
241	Máy siêu âm điều trị 590, Sonopuls, Hà lan	3
242	Máy siêu âm điều trị ES-2, OG GIKEN, Nhật Bản	2
243	Máy điện châm PG-8, ITO, Nhật Bản	1
244	Máy điện trị liệu 581, Endomed, Hà lan	1
245	Máy điện trị liệu CS-210, ITO, Nhật Bản	1
246	Máy điện trị liệu ES-420, ITO, Nhật Bản	1
247	Máy siêu âm điều trị UZT 101, Mediexport, Nga	3
248	Máy sóng ngắn điều trị Curapul-970, Hà Lan	1
249	Máy sóng ngắn điều trị YBЧ-30, Nga	1
250	Máy điều trị bằng sóng xung kích BTL5000, BTL Medical, Bungari	1
251	Máy điều trị vi sóng PM-810, ITO, Nhật bản	2
252	Máy sóng ngắn điều trị YBЧ-66, Mediexport, Liên Xô	1
253	Máy sóng ngắn điều trị YBЧ-62, Mediexport, Liên Xô	1
254	Máy sóng ngắn điều trị SW101, ITO, Nhật bản	1
255	Máy sóng ngắn điều trị Inteselect-ShortWave 400, IPX-1, Chatnanoga Group, Đức	1
256	Máy sóng ngắn điều trị Megapulse senior 265, EMS-Physiomed, Anh	1
257	Đèn hồng ngoại TNE, Việt Nam	1
258	Đèn tử ngoại OPK 21MI, Nga	10
		1

STT	Tên gọi máy, thiết bị, ký hiệu, mục đích sử dụng	Số lượng
259	Máy laser trị liệu ENDOLASER 476, Enraf Nonius, Hà lan	
260	Máy Laser nội mạch không xâm lấn Light needle 300, Physio-olympic, Đức	1
261	Máy Laser nội mạch HL-1100S, Trung tâm công nghệ Lade, Việt nam	1
262	Máy điều trị laser bán dẫn SLA 04/650, Trung tâm công nghệ Lade, Việt nam	1
263	Máy kéo dẫn đốt sống cổ Autotrac-450, Gynauniphi, Bỉ	1
264	Máy kéo cột sống, lưng cổ ELTRAC 471, Enraf-Nonius, Hà Lan	1
265	Máy kéo cột sống, lưng cổ TU 100, Cosmogama, Italia	4
266	Xe đạp lực kế MoNark 925E, HUR, Phần lan	1
267	Máy tập cơ vùng cánh tay 3110 HUR, HUR, Phần lan	1
268	Máy tập cơ vùng cánh tay 9110-HUR, HUR, Phần lan	1
269	Máy tập cơ vùng vai ngực (kéo xà) 5120-HUR, HUR, Phần lan	1
270	Máy tập cơ vùng vai ngực (nhún xà) 3125-HUR, HUR, Phần lan	1
271	Máy tập giãn nở lồng ngực (vỗ cánh) 3160-HUR, HUR, Phần lan	1
272	Máy tập ép lồng ngực cho người đi xe lăn 9140-HUR, HUR, Phần lan	1
273	Máy tập vùng bụng và lưng 5310-HUR, HUR, Phần lan	1
274	Máy tập khớp gối (Gập duỗi cẳng chân) 5530-HUR, HUR, Phần lan	1
275	Máy tập xoay vặn người 5340-HUR, HUR, Phần lan	1
276	Máy phun tia nước áp lực Pulsgerator 470, E.W.A.C Hydrotherapy, Hà Lan	1
277	Bàn vật lý trị liệu đa năng TRACTION-TABLE, Enraf Nonius, Hà lan	1
278	Bàn tập lưng bụng SPR-570, Pro-Supra, Đài loan	1
279	Đường chạy Biodex, HUR, Phần lan	2
280	Bồn tắm điện tử chi GI-VZ, Physomed, Hà lan	1
281	Bồn tắm xoay toàn thân E.W.A.C Hydrotherapy, Hà lan	1
282	Thiết bị điều trị ô xy cao áp OKA-MT, Mediexport, Liên xô	1
283	Máy điều trị ô xy cao áp+xe nâng ETC-BARAMED, BARAMED-Acrylic, Mỹ	2
XII. TRANG BỊ CHUYÊN KHOA		2
284	Máy răng tổng hợp Cosmos-OA, Cosmos, Nhật Bản	
285	Máy răng tổng hợp Adec Perfomer, Dentai Equipment, Mỹ	1
286	Máy răng tổng hợp ADEC-RADIUS, Dentai Equipment, Mỹ	2
287	Máy răng tổng hợp Adec-Cascade, Dentai Equipment, Mỹ	7
288	Máy lấy cao răng siêu âm Cavitron select, Cavitron, Mỹ	1
289	Máy đo nhãn áp NT-4000, Nidek, Nhật Bản	3
290	Sinh hiển vi khám mắt L-0549, Inami, Nhật Bản	1
		1

STT	Tên gọi máy, thiết bị, ký hiệu, mục đích sử dụng	Số lượng
291	Máy đo khúc xạ và độ cong giác mạc TSRK-1000, AXIS, Hàn Quốc	
292	Đèn soi đáy mắt BX α -12, Neitz, Nhật	1
293	Sinh hiển vi phẫu thuật mắt OM-10, Takagi, Nhật Bản	3
294	Xông khí dung siêu âm 402A, Yuyue, Trung Quốc	1
295	Máy xông khí dung NE-C29, Omron, Nhật Bản	2
296	Lồng ấp trẻ sơ sinh C186-TS, Fanem, Braxin	17
297	Máy nghe tim thai FD-380, Toitu, Nhật Bản	1
298	Máy theo dõi bệnh nhân sản khoa MT-516, Toitu, Nhật Bản	2
299	Máy nghe tim thai BT-200, Bistos, Hàn Quốc	6
300	Cân kỹ thuật TE612, Satorius, Đức	2
301	Cân phân tích CP224S, Satorius, Đức	2
302	Cân phân tích TE214S, Satorius, Đức	3
303	Kính hiển vi 2 mắt điện CHT, Olympus, Nhật Bản	1
304	Kính hiển vi 2 mắt điện có camera CX 31, Olympus, Nhật Bản	5
305	Kính hiển vi 2 mắt điện CX21FS1, Olympus, Philippine	2
306	Kính hiển vi 2 mắt điện Primostar, Carl Zeiss, Trung Quốc	1
307	Kính hiển vi huỳnh quang E-600 Nikon truyền ảnh qua monitor E-600, Nikon, Nhật	2
308	Máy li tâm 2420, Kubota, Nhật Bản	1
309	Máy li tâm 4000, Kubota, Nhật Bản	2
310	Máy li tâm 5100, Kubota, Nhật Bản	1
311	Máy li tâm 5415D, Ependorf, Đức	1
312	Máy li tâm 8 lỗ EBA-20, Hettich, Đức	3
313	Máy li tâm Labofuge 200, Hereaus, Đức	6
314	Máy li tâm Labofuge 300, Hereaus, Đức	1
315	Máy li tâm ngang 28 ống Rotina 380, Hettich, Đức	1
316	Máy li tâm lạnh Multifuge 3S-R, Hereaus, Đức	1
317	Máy li tâm lạnh siêu tốc Optima LE 80 K, Beckman Coulter, Mỹ	1
318	Máy li tâm lạnh 3K 12, Sigma, Đức	1
319	Máy li tâm lạnh loại lớn 5810R, Ependorf, Đức	3
320	Máy li tâm lạnh nhỏ 5415R, Ependorf, Đức	2
321	Máy li tâm lạnh tách máu 5702, Ependorf, Đức	4
322	Máy li tâm lạnh 6 chỗ CR-7, Hitachi, Nhật Bản	1
323	Máy li tâm Rotofix 32A, Hettich, Đức	1
		3

STT	Tên gọi máy, thiết bị, ký hiệu, mục đích sử dụng	Số lượng
324	Máy ổn nhiệt dùng nước WB20, Memmert Đức	
325	Máy ủ mẫu Thermo Start Plus, Eppendorf, Đức	2
326	Tủ âm CO2 Hera Cell 150, Hereaus, Đức	2
327	Tủ âm HH-B11.360, Hangzi, Trung Quốc	2
328	Tủ âm INB 500, Memmert, Đức	1
329	Tủ âm IN55, Memmert, Đức	1

PHẦN III. THƯ VIỆN

- 1 Thư viện chuyên môn của Bệnh viện có khoảng 220 đầu sách, tài liệu chuyên khảo, tạp chí bằng tiếng Việt, Anh, Pháp, Nga, Đức....
- 2 Hệ thống thư viện điện tử giúp người học dễ dàng tìm kiếm, tham khảo và cập nhật các kiến thức mới trên thế giới:
 - + Trong nước: Kết nối và khai thác thông tin y học của Bộ Khoa học công nghệ và các học viện, trường đại học trong cả nước.
 - + Quốc tế: Tài khoản truy cập vào các trang tìm kiếm thông tin y học có uy tín như:

<http://www.who.int/hinari/en/>

<https://www.bmj.com/>

<http://db1.vista.gov.vn/login.aspx>

